

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thận.

2. Ông Nguyễn Đăng Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 509/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nông Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị Tr tự nguyện tìm hiểu chung sống từ năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau khi chị Tr sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trên nhiều lĩnh vực, nhưng chủ yếu là do tình cảm không hòa hợp. Khi con chung được 10 tháng tuổi thì chị Tr bỏ nhà ly thân để anh nuôi con đến nay. Thời gian ly thân đến nay chị Tr có về thăm con khoảng 03 đến 04 lần nhưng hai vợ chồng không gặp mặt. Đến nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Tr. Anh và chị Tr có₁

01 con chung là Nông Thị Ngọc Th, sinh ngày 05/6/2017, anh có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn; anh có vườn rẫy, thu nhập, có nơi ở ổn định đủ điều kiện nuôi con nên không yêu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị Tr không có tài sản, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Lê Thị Tr: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Lê Thị Tr, nhưng chị Tr không hợp tác làm việc, không gửi ý kiến cho Tòa án để xem xét và không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Anh Nông Văn T và chị Lê Thị Tr tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã Đắk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 47, ngày 09/6/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Tr là hôn nhân là hợp pháp.

Sau ke61tb hôn vợ chồng anh T và chị Tr chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trên nhiều lĩnh vực, chủ yếu là không hòa hợp nhau về tình cảm vợ chồng, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể sống chung nên chị Tr đã bỏ nhà sống ly thân anh T từ tháng 6/2018 đến nay; Thời gian ly thân vợ chồng không có giải pháp hàn gắn để níu kéo hôn nhân và đoàn tụ gia đình. Vì vậy, anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Tr.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Tr đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt, không gửi ý kiến cho Tòa án, không tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, coi như chị Tr tự từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T. Từ những phân tích trên có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa anh T và chị Tr là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị Tr.

[2] Về con chung: Anh T và chị Tr có 01 con chung là Nông Thị Ngọc Th, sinh ngày 05/6/2017. Từ khi vợ chồng ly thân anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Hiện nay anh T có điều kiện và có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị Tr không gửi ý kiến cho Tòa án về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, coi như tự từ bỏ quyền yêu cầu nuôi con chung của mình. Vì vậy, cần thiết giao con chung cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con; chị Tr không gửi ý kiến cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp, yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không ai yêu cầu nên không đề cập.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Văn T đối với bị đơn Lê Thị Tr; Xử cho anh Nông Văn T được ly hôn với chị Lê Thị Tr.

[2] Về con chung: Giao con chung của anh Toàn và chị Tr là Nông Thị Ngọc Th, sinh ngày 05/6/2017 cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Đồng thời có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về án phí: Anh Nông Văn T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015850 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Đăk Nhau;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Văn Huệ

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 05 tháng 02 năm 2021
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bảy và bà Lê Thị Thận
Tiến hành nghị án vụ dân sự thụ lý số: 509/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Anh Nông Văn Toàn, sinh năm 1996 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đăk Liên, xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: Chị Lê Thị Tr, sinh năm 1998 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đăk Liên, xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH 3/3 (100%) CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nông Văn Toàn đối với bị đơn Lê Thị Tr; Xử cho anh Nông Văn Toàn được ly hôn với chị Lê Thị Tr. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2] Về con chung: Giao con chung của anh Toàn và chị Tr là Nông Thị Ngọc Thùy, sinh ngày 05/6/2017 cho anh Toàn trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Đồng thời có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về án phí: Anh Nông Văn Toàn phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015850 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 05 tháng 02 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đăng Bảy – Lê Thị Thận

Nguyễn Văn Huệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Đoàn Kết;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huệ

